

BIỂU TỔNG HỢP CÁC NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ PHÂN BỐ TRONG QUÝ I NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cao Lộc)

DVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG CỘNG	47.080.357.000	
1	Kinh phí SN kiến thiết thị chính	8.921.997.000	Đã phân bổ tại Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 22/02/2024 của UBND huyện Cao Lộc (Chi tiết theo biểu số 01)
2	Kinh phí Chi khác ngân sách	776.360.000	Đã phân bổ tại Quyết định số 203/QĐ-UBND ngày 21/01/2024; số 478/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND huyện Cao Lộc (Chi tiết theo biểu số 02)
3	Kinh phí Chi An ninh -Quốc phòng	150.000.000	Đã phân bổ tại Quyết định số 478/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND huyện Cao Lộc (Chi tiết theo biểu số 02)
4	Kinh phí Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	37.232.000.000	Đã phân bổ tại Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 23/02/2024 của UBND huyện Cao Lộc (Chi tiết theo biểu số 03)

BIỂU 01: NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP KIẾN THIẾT THỊ CHÍNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cao Lộc)

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMĐT hoặc TDT được duyệt	TH từ khởi công đến 31/12/2023		Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư
						Khối lượng thực hiện (dự kiến)	Cấp phát thanh toán	ĐTPT	SN	
	TỔNG SỐ				26.151.215.860	16.923.213.000	13.401.191.000	0	8.921.997.000	
I	Thanh toán nợ năm 2023 trở về trước				16.923.213.000	16.923.213.000	13.301.191.000	0	3.622.022.000	
1	Sửa chữa, thay thế, bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng xã Hợp Thành và thị trấn Đồng Đăng			2023	689.767.000	689.767.000	352.852.000		336.915.000	Phòng KT&HT
2	Sửa chữa, thay thế, bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng thị trấn Cao Lộc và Đồng Đăng phục vụ Quốc khánh 02/9/2023			2023	622.440.000	622.440.000	200.000.000		422.440.000	Phòng KT&HT
3	Bổ sung tuyến điện khu vực nga ba cửa khẩu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng			2023	200.000.000	200.000.000	157.545.000		42.455.000	Phòng KT&HT
4	Trang trí đèn led tuyến đường Nguyễn Đình Lộc-Hoàng Văn Thụ, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc			2022	971.996.000	971.996.000	822.249.000		149.747.000	Phòng KT&HT
5	Cải tạo vỉa hè trang trí khu ga, đèn led cầu vượt Đồng Đăng và thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc			2021	8.000.000.000	8.000.000.000	7.181.882.000		818.118.000	Phòng KT&HT
6	Trang trí tuyến đường, khuôn viên 3-2, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc			2023	893.263.000	893.263.000	757.638.000		135.625.000	Phòng KT&HT
7	Cải tạo nâng cấp hệ thống trang trí chiếu sáng đường tròn khu vực nga ba cửa khẩu Hữu Nghị, thị trấn Đồng Đăng, huyện Cao Lộc			2021	3.000.000.000	3.000.000.000	2.773.710.000		226.290.000	Phòng KT&HT
8	Trang trí hệ thống hoa ngang đường chào mừng 115 năm thành lập huyện Cao Lộc và tết nguyên đán năm 2023			2023	1.106.696.000	1.106.696.000	150.000.000		956.696.000	Phòng KT&HT
9	Đặt màn hình LED P4 Fullcolor tại công viên 3-2			2022	771.781.000	771.781.000	705.315.000		66.466.000	Phòng VH&TT

TT	Danh mục dự án	Địa điểm	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	TMĐT hoặc TDT được duyệt	TH từ khởi công đến 31/12/2023		Kế hoạch năm 2024		Chủ đầu tư
						Khối lượng thực hiện (dự kiến)	Cấp phát thanh toán	ĐTPT	SN	
10	Trang trí khuôn viên trên địa bàn thị trấn Cao Lộc			2023	667.270.000	667.270.000	200.000.000		467.270.000	Phòng VH&TT
II	<u>Danh mục mới năm 2024</u>				<u>9.228.002.860</u>	<u>0</u>	<u>100.000.000</u>	<u>0</u>	<u>5.299.975.000</u>	
1	Xây dựng, cải tạo hệ thống thoát nước khối 1 thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc năm 2024			2024	2.000.000.000				500.000.000	Phòng KT&HT
2	Sửa chữa, thay thế, bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng trên địa bàn huyện năm 2024			2024	900.000.000				500.000.000	Phòng KT&HT
3	Tiền điện đèn đường chiếu sáng cộng cộng năm 2024			2024	3.000.000.000				3.000.000.000	Phòng KT&HT
4	Trồng hoa, thảm cỏ khu dân cư N18 thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc			2024	2.500.000.000				799.975.000	Phòng VH&TT
5	Trang trí khuôn viên trên địa bàn thị trấn Cao Lộc			2024	828.002.860		100.000.000		500.000.000	Phòng VH&TT

BIỂU 02: DỰ TOÁN CHI NSNN NĂM 2024 CHO CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cao Lộc)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cơ quan, đơn vị	Tổng số kinh phí bổ sung	Ghi chú
	Tổng cộng	926.360.000	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện	73.000.000	Kinh phí hỗ trợ các gian hàng, kinh phí chi cho công tác đảm bảo duy trì nguồn điện, thiết bị chiếu sáng phục vụ tại Lễ hội Chùa Bắc Nga xã Gia Cát năm 2024
2	Trung tâm Văn hóa thể thao và Truyền thông	500.000.000	Kinh phí tổ chức sự kiện, trang trí Lễ hội chùa Bắc Nga và Tổ chức Hội thi mùa xuân, giao lưu các câu lạc bộ, trưng bày gian hàng các sản phẩm OCOP tại Lễ Hội Bắc Nga, xã Gia Cát, huyện Cao Lộc
3	UBND xã Phú Xá	103.360.000	Kinh phí hỗ trợ thực hiện bảo quản tài sản của Trạm KSLH Trạm Đốc Quyết (sau giải thể)
4	Phòng Văn hóa và Thông tin huyện	100.000.000	Trang trí khuôn viên trên địa bàn thị trấn Cao Lộc
5	UBND xã Xuất Lễ	150.000.000	Kinh phí hỗ trợ thực hiện tổ chức Ngày hội Biên phòng toàn dân năm 2024 và Kỷ niệm 75 năm ngày giải phóng Khu du lịch Ba Sơn (1949-2024)

|

BIỂU 03: NGUỒN VỐN SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2024 HUYỆN CAO LỘC (PHÂN THEO CHỦ ĐẦU TƯ)

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HDND ngày tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân huyện Cao Lộc)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ	37.232	33.382	2.850	1.000	10.008	10.008	0	0	20.074	20.074	0	0	7.150	3.300	2.850	1.000	
I	Vốn sự nghiệp	37.232	33.382	2.850	1.000	10.008	10.008	0	0	20.074	20.074	0	0	7.150	3.300	2.850	1.000	
1	Phòng Lao động, Thương binh, Xã hội - Dân tộc	2.644	2.644	0	0	1.224	1.224	0	0	1.420	1.420	0	0	0	0	0	0	
1.1	<i>Dự án 4 - Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn</i>	344	344	0	0	344	344			0				0				GNBV
1.2	<i>Dự án 6 - Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều</i>	200	200	0	0	200	200			0				0				GNBV
1.3	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình</i>	680	680	0	0	680	680			0				0				GNBV
1.3.1	<i>Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện chương trình</i>	468	468	0	0	468	468											
1.3.2	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	212	212	0	0	212	212											
1.4	<i>Dự án 5 - Tiểu dự án 3: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và giải quyết việc làm cho người lao động vùng dân tộc thiểu số và miền núi</i>	591	591	0	0	0				591	591							
1.5	<i>Dự án 5 - Tiểu dự án 4: Đào tạo nâng cao năng lực cho cộng đồng và cán bộ triển khai Chương trình ở các cấp</i>	582	582	0	0	0				582	582			0				DBDTS
1.6	<i>Dự án 9 - Tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	170	170	0	0	0				170	170			0				DBDTS
1.7	<i>Dự án 10 - Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; Truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Sự nghiệp văn hóa thông tin)</i>	37	37	0	0	0				37	37							DBDTS
1.8	<i>Dự án 10 - Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Sự nghiệp kinh tế)</i>	40	40	0	0	0				40	40			0				DBDTS
2	Phòng Văn hóa và Thông tin	2.084	2.084	0	0	601	601	0	0	683	683	0	0	800	800	0		
2.1	<i>Dự án 6 - Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin</i>	601	601	0	0	601	601											GNBV
2.2	<i>Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch.</i>	515	515	0	0	0				515	515			0				DBDTS

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
2.3	<i>Dự án 10 - Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; Truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	150	150	0	0	0			150	150			0					DBDTTS
2.4	<i>Dự án 10 - Tiểu dự án 2: Ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an ninh trật tự vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (Sự nghiệp văn hóa thông tin)</i>	18	18	0	0	0			18	18			0					DBDTTS
2.5	<i>Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn</i>	300	300	0	0			0					300	300				NTM
2.6	<i>Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;...</i>	500	500	0	0			0					500	500				NTM
3	Phòng Tư pháp	150	150	0	0	0			150	150			0					
3.1	<i>Dự án 10 - Tiểu dự án 1: Biểu dương, tôn vinh điển hình tiên tiến, phát huy vai trò của người có uy tín; Phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý và tuyên truyền, vận động đồng bào; Truyền thông phục vụ tổ chức triển khai thực hiện Đề án tổng thể và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (Sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	150	150			0			150	150			0					DBDTTS
4	Phòng Nông nghiệp và PTNT	10.320	9.870	400	50	100	100	0	0	8.920	8.920	0	0	1.300	850	400	50	
4.1	<i>Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá chương trình</i>	100	100	0	0	100	100											GNBV
4.1.1	<i>Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá</i>	100	100	0	0	100	100											
4.2	<i>Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Phát triển kinh tế nông lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân</i>	4.928	4.928	0	0	0			4.928	4.928			0					DBDTTS
4.3	<i>Dự án 3-Tiểu dự án 2: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, vùng trồng dược liệu quý, thúc đẩy khởi sự kinh doanh, khởi nghiệp và thu hút đầu tư vùng đồng bào đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</i>	3.952	3.952	0	0	0			3.952	3.952			0					DBDTTS
4.3.1	<i>Dự án Chuỗi liên kết: Trồng và chăm sóc cây Hôi theo tiêu chuẩn VietGap tại các xã ĐBK trên địa bàn huyện Cao Lộc năm 2024</i>	600	600	0	0	0			600	600			0					DBDTTS
4.3.2	<i>Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Trồng và chăm sóc cây Sỡ tại các xã ĐBK trên địa bàn huyện Cao Lộc năm 2024.</i>	700	700	0	0	0			700	700			0					DBDTTS
4.3.3	<i>Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị: Trồng và chăm sóc cây Mácca tại các xã ĐBK trên địa bàn huyện Cao Lộc năm 2024</i>	500	500	0	0	0			500	500			0					DBDTTS

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
7.1	Dự án 8. Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em	565	565	0	0	0				565	565			0				DBDTS
8	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	650	650	0	0	650	650	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
8.1	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị: Nuôi Ong lấy mật trên địa bàn huyện Cao Lộc	650	650	0	0	650	650											GNBV
9	UBMT TQ VN huyện	25	25	0	0	0	0	0	0	25	25	0	0	0	0	0	0	
	Dự án 10 - Tiểu dự án 3: Kiểm tra, giám sát, đánh giá, đào tạo, tập huấn tổ chức thực hiện Chương trình (Sự nghiệp kinh tế)	25	25	0	0					25	25							
10	UBND Xã Bình Trung	1.220	1.220	0	0	500	500	0	0	720	720	0	0	0	0	0	0	
10.1	Dự án 2: Mô hình trồng cây hồng trên địa bàn xã Bình Trung, huyện Cao Lộc	500	500	0	0	500	500			0				0				GNBV
10.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	380	380	0	0	0				380	380			0				DBDTS
10.3	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Chăn nuôi lợn sinh sản trên địa bàn xã Bình Trung	340	340	0	0	0				340	340			0				DBDTS
11	UBND Xã Xuân Long	1.357,9	1.260,0	97,9	0,0	500,0	500,0	0,0	0,0	760,0	760,0	0,0	0,0	97,9	0,0	97,9	0,0	
11.1	Dự án 2: Mô hình nuôi trâu thương phẩm trên địa bàn xã Xuân Long	500	500	0	0	500	500											GNBV
11.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	260	260	0	0	0				260	260			0				DBDTS
11.3	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Trồng và chăm sóc cây Hối trên địa bàn xã Xuân Long	300	300	0	0	0				300	300			0				DBDTS
11.4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	200	200	0	0					200	200							
11.5	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	97,9	0,0	97,9	0	0				0				97,9		97,9		NTM
12	UBND Xã Phú Xá	903,5	799,0	104,5	0,0	500,0	500,0	0,0	0,0	299,0	299,0	0,0	0,0	104,5	0,0	104,5	0,0	
12.1	Dự án 2: Mô hình trồng cây hồi trên địa bàn xã Phú Xá	500	500	0	0	500	500			0				0				GNBV
12.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	50	50	0	0	0				50	50			0				DBDTS
12.3	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Trồng và chăm sóc cây Hối trên địa bàn xã Phú Xá	249	249	0	0	0				249	249			0				DBDTS
12.4	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	104,5	0,0	104,5	0	0				0				104,5		104,5		NTM
13	UBND Xã Công Sơn	1.394,8	1.314,0	80,8	0,0	986,0	986,0	0,0	0,0	328,0	328,0	0,0	0,0	80,8	0,0	80,8	0,0	
13.1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	815	815	0	0	815	815			0				0				GNBV
13.1.1	Mô hình nuôi trâu thương phẩm trên địa bàn xã Công Sơn	500	500	0	0	500	500											
13.1.2	Mô hình chăm sóc cây hồi trên địa bàn xã Công Sơn	315	315	0	0	315	315											
13.2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ Phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Dự án chăn nuôi trâu thương phẩm trên địa bàn xã Công Sơn	171	171	0	0	171	171			0				0				GNBV

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó		Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú	
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh		Ngân sách huyện
13.3	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	120	120	0	0	0			120	120			0				DBDTS	
13.4	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	208	208	0	0				208	208								
13.5	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	80,8	0,0	80,8	0	0			0				80,8		80,8		NTM	
14	UBND Xã Lộc Yên	2.219,8	2.140	80	0	1.700	1.700	0	0	440	440	0	0	80	0	80	0	
14.1	Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	1.500	1.500	0	0	1.500	1.500											
14.1.1	Mô hình nuôi lợn trên địa bàn xã Lộc Yên	500	500	0	0	500	500			0				0			GNBV	
14.1.2	Mô hình trồng cây hạt dẻ trên địa bàn xã Lộc Yên	500	500	0	0	500	500			0				0			GNBV	
14.1.3	Mô hình trồng cây trám đen trên địa bàn xã Lộc Yên	500	500	0	0	500	500			0				0			GNBV	
14.2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Dự án chăm sóc cây Hạt dẻ trên địa bàn xã Lộc Yên	200	200	0	0	200	200			0				0			GNBV	
14.3	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	210	210	0	0					210	210			0			DBDTS	
14.4	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Trồng và chăm sóc cây Hồng không hạt Bảo Lâm theo tiêu chuẩn VietGap trên địa bàn xã Lộc Yên	230	230	0	0					230	230			0			DBDTS	
14.5	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	79,8	0,0	79,8	0								79,8		79,8		NTM	
15	UBND Xã Thạch Đạn	1.323,9	1.210,0	113,9	0,0	750,0	750,0	0,0	0,0	460,0	460,0	0,0	0,0	113,9	0,0	113,9	0,0	
15.1	Dự án 2: Mô hình nuôi trâu thương phẩm trên địa bàn xã Thạch Đạn	500	500	0	0	500	500			0				0			GNBV	
15.2	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp: Dự án chăn nuôi trâu sinh sản trên địa bàn xã Thạch Đạn	250	250	0	0	250	250			0				0			GNBV	
15.3	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	50	50	0	0	0				50	50			0			DBDTS	
15.4	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Trồng và chăm sóc cây Sờ trên địa bàn xã Thạch Đạn	210	210	0	0	0				210	210			0			DBDTS	
15.5	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công của lĩnh vực dân tộc	200	200	0	0					200	200						DBDTS	
15.6	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	113,9	0,0	113,9	0								113,9		113,9		NTM	
16	UBND Xã Thanh Lò	551,7	420	131,7	0	0	0	0	0	420	420	0	0	131,7	0	131,7		
16.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	20	20	0	0	0				20	20			0			DBDTS	
16.2	Dự án 3 - Tiểu dự án 2: Dự án Trồng và chăm sóc cây Hạt Dẻ trên địa bàn xã Thanh Lò	200	200	0	0	0				200	200			0			DBDTS	

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
20.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	300	300	0	0					300	300			0				DBDTTS
20.3	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	210,7	0,0	210,7	0									210,7		210,70		NTM
20.4	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	100	0	0									100	100			NTM
21	UBND xã Hồng Phong	370,7	120	250,7	0	0	0	0	0	120	120	0	0	250,7	0	250,7	0	
21.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	120	120	0	0	0				120	120			0				DBDTTS
21.2	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	150,7	0	151	0									151		150,7		NTM
21.3	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	0	100	0									100		100		NTM
22	UBND xã Thụy Hùng	250	150	100	0	0	0	0	0	150	150	0	0	100	0	100	0	
22.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	150	150	0	0	0				150	150			0				DBDTTS
22.2	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	0	100	0									100		100		NTM
23	UBND xã Hải Yên	870,7	290	130,7	450	0	0	0	0	40	40	0	0	830,7	250	130,7	450	
23.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	40	40	0	0	0				40	40			0				DBDTTS
23.2	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	380,7	250,0	130,7	0									380,7	250	130,7		NTM
23.3	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện	450,0	0,0	0,0	450									450			450	NTM
24	UBND xã Tân Liên	1.275,4	860,0	415,4	0,0	250,0	250,0	0,0	0,0	160,0	160,0	0,0	0,0	865,4	450,0	415,4	0,0	
24.1	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Dự án chăn nuôi Gà an toàn sinh học trên địa bàn xã Tân Liên	250	250	0	0	250	250			0				0				GNBV
24.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	160	160	0	0					160	160			0				DBDTTS
24.3	Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội ...	300	100	200	0									300	100	200		DBDTTS
24.4	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	100	0	0									100	100			NTM

TT	Chủ đầu tư	Tổng vốn	Trong đó			Chương trình MTQG giảm nghèo bền				Chương trình MTQG Phát triển kinh tế -				Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn				Ghi chú
			NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		Tổng	NSTW	Đối ứng NSDP		
				Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện			Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
24.5	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	465	250	215	0									465	250	215		NTM
25	UBND xã Gia Cát	380	380	0	0	270	270	0	0	110	110	0	0	0	0	0	0	
25.1	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Dự án Trồng và chăm sóc cây Mắc ca trên địa bàn xã Gia Cát	270	270	0	0	270	270			0				0				GNBV
25.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	110	110	0	0					110	110			0				NTM
26	UBND xã Bảo Lâm	403	153	0	250	0	0	0	0	53	53	0	0	350	100	0	250	
26.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	53	53	0	0	0				53	53			0				DBDTS
26.2	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	100	0	0					0				100	100			NTM
26.3	Nội dung 2: Dự án chuỗi liên kết: Trồng, cải tạo, chăm sóc cây Hồng không hạt Bảo Lâm theo tiêu chuẩn VIETGAP tại xã Bảo Lâm	250	0	0	250									250			250	NTM
27	UBND xã Hợp Thành	100	100	0	0	0	0	0	0	100	100	0	0	0	0	0	0	
27.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	100	100	0	0	0				100	100			0				DBDTS
28	UBND xã Tân Thành	425,9	180,0	245,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	180,0	180,0	0,0	0,0	245,9	0	245,9	0	
28.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	180	180	0	0	0				180	180			0				DBDTS
28.2	Nội dung 01: Rà soát, điều chỉnh, lập mới và triển khai, thực hiện quy hoạch chung xây dựng xã gắn với quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa	145,9	0	145,9	0									145,9		145,90		NTM
28.3	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	0	100	0									100		100,00		NTM
29	UBND xã Yên Trạch	970	870	100	0	250	250	0	0	120	120			600	500	100	0	
29.1	Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Trồng và chăm sóc cây Sờ trên địa bàn xã Yên Trạch	250	250	0	0	250	250			0				0				GNBV
29.2	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	120	120	0	0					120	120			0				DBDTS
29.3	Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025...	100	0	100	0									100		100		NTM
29.4	Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện	500	500	0	0									500	500			NTM
30	UBND TT Đông Đăng	80	80	0	0					80	80			0				
30.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	80	80	0	0					80	80			0				DBDTS
31	UBND TT Cao Lộc	100	100	0	0					100	100			0				
31.1	Dự án 1- Tiểu dự án 1 (hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán và hỗ trợ chuyển đổi nghề)	100	100	0	0					100	100			0				DBDTS

